

Bản án số : 55/2021/HNST.

Ngày 06/4/2021.

Về việc: “Ly hôn ”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Việt Chương**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Lê Văn Thành**.

+ Ông **Trần Trung Nhân**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Thế Vinh**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Ngày 06/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/TLST-HNGĐ ngày 01/02/2021 về việc “ Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/3/2021 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn*: Chị **Đỗ Thị Kim H**, sinh năm 1974. Nơi đăng ký thường trú: Tiểu khu X, phường Y, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.(có mặt).

\* *Bị đơn*: Anh **Trần Huy T**, sinh năm 1973. Cư trú tại: ấp X, xã Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 14/01/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị **Đỗ Thị Kim H** trình bày:

Chị H với anh **Trần Huy T** kết hôn với nhau vào năm 1994 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Tiền Giang vào tháng 5/2001, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân không hợp tính tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi nhau, mặc dù đã được hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được nên chị và anh T sống ly thân nhau từ năm 2012 cho đến nay.

Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chung sống có con chung là cháu **Trần Thanh D** sinh năm 1995 đã trưởng thành.

Tài sản chung; nợ chung: Không có.

Nay chị H khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh **Trần Huy T**.

Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 19/3/2021 anh T trình bày: về điều kiện đi đến hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, về con chung, tài sản chung và nợ chung như chị H trình bày là đúng. Hiện tại anh và chị H đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay.

Nay về quan hệ hôn nhân : Anh cũng đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung có một con chung là cháu Trần Thanh D sinh năm 1995 đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu tranh luận của đương sự Hội đồng xét xử có nhận định:

[1]- Về thủ tục tố tụng:

- Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Kim H yêu cầu ly hôn với anh Trần Huy T nên xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào địa chỉ sinh sống của anh Trần Huy T ở ấp X, xã Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ tranh chấp được xác định là “ Ly hôn ” theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Anh Trần Huy T có đơn xin xét xử vắng mặt vì bận công chuyện gia đình nên không tham dự phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, căn cứ vào khoản 1 điều 227 và khoản 1 điều 228 bộ Luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[2]- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Kim H với anh Trần Huy T kết hôn với nhau vào năm 1994 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 231/2001 vào ngày 05/12/2001, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân không hợp tính tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi nhau, mặc dù đã được hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được nên chị và anh T sống ly thân nhau từ năm 2012 cho đến nay.

Tại phiên tòa chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ và cương quyết ly hôn với anh T và tại bản tự khai ngày 19/3/2021 anh T cũng đồng ý ly hôn với chị H. Điều đó cho thấy trình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay nhưng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn đoàn tụ, nên chị H xin ly hôn với anh T là có căn cứ. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H ly hôn với anh T.

[3]- Về con chung: đã trưởng thành .

[4]- Về tài sản chung và nợ chung : chị H và anh T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]- Về án phí : Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH :**

#### **Áp dụng:**

- Khoản 1 điều 28 , khoản 1 điều 35, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

#### **Xử:**

- 1- Chấp nhận cho chị Đỗ Thị Kim H ly hôn với anh Trần Huy T.
- 2- Về con chung: đã trưởng thành.
- 3- Tài sản chung và nợ chung: Không có.
- 4- Án phí: Chị Đỗ Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 0004688 ngày 01/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên thi hành xong phần án phí.
- 5- Chị Đỗ Thị Kim H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Trần Huy T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TANDTỉnh Tiền Giang;
- VKSNDhuyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
(ĐÁ KÝ)

**Trương Việt Chương**

